TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRỰC NINH** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **58**/2020/HNGĐ-ST
Ngày 05 - 5 - 2020
V/v: "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRỰC NINH, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Chu Thái Hà.

*Các Hội thẩm nhân dân**:***

Ông Nguyễn Văn Chuyết

Bà Đoàn Thị Dịu

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Bích Thủy - Thư ký TAND huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định.

Ngày 05 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Trực Ninh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 46/2020/TLST-HNGĐ ngày 27/2/2020 về việc xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 22/4/2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn D, sinh năm: 1989.

Địa chỉ: Tổ dân phố P, thị trấn C, huyện T, tỉnh Nam Định.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị P, sinh năm: 1993.

Nơi đăng ký HKTT: Tổ dân phố P, thị trấn C, huyện T, tỉnh Nam Định.

Địa chỉ: Tổ dân phố N, thị trấn C, huyện T, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa: Các đương sự có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn và bản tự khai ngày 27/02/2020, biên bản hòa giải ngày 28/02/2020 anh Nguyễn Văn D trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị P đăng ký kết hôn ngày 15 tháng 11 năm 2012 tại UBND thị trấn C, huyện T, tỉnh Nam Định. Sau khi cưới vợ chồng chung sống bình thường, sau đó phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Anh và chị P đã sống ly thân từ tháng 8 năm 2015, không ai quan tâm đến ai. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ được nên đề nghị ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Thị Phương N, sinh ngày 14 tháng 10 năm 2013. Hiện nay con chung đang ở với anh D. Khi ly hôn anh có đề nghị được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu chị P cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và biên bản hòa giải ngày 28/02/2020 chị Nguyễn Thị P trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn D kết hôn tháng 11 năm 2012 tại UBND thị trấn C, huyện T, tỉnh Nam Định. Sau khi cưới vợ chồng chung sống bình thường, sau đó phát sinh mâu thuẫn nhỏ. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 8 năm 2019 đến nay. Nay anh D có đơn xin ly hôn, chị xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Thị Phương N, sinh ngày 14 tháng 10 năm 2013. Nếu phải ly hôn chị P đề nghị được nuôi con chung và yêu cầu anh D cấp dưỡng tiền nuôi con theo quy định pháp luật.

Về tài sản riêng: Chị P không có tài sản riêng và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng có 01 ngôi nhà mái bằng 01 tầng diện tích 76m^2, xây dựng trên diện tích 99m^2, đã được cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất mang tên Nguyễn Văn D, Nguyễn Thị P. Nếu phải ly hôn chị P đề nghị anh D phải thanh toán cho chị ½ giá trị của tài sản. Chị đề nghị Tòa án cho anh chị thời gian để tự thỏa thuận về tài sản chung.

Tại biên bản hòa giải ngày 10 tháng 3 năm 2020 anh D, chị P thống nhất: Vợ chồng có tài sản chung là 01 ngôi nhà 01 tầng mái bằng, diện tích 76m² trên tổng diện tích 99m², xây dựng năm 2013 trên đất của bố mẹ anh D cho, đã được cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số CC453752 cấp ngày 12/4/2017 mang tên Nguyễn Văn D Nguyễn Thị P tại thửa số 391 tờ bản đồ số 25 tại Thị trấn C, huyện T, tỉnh Nam Định.

Về tình cảm: Anh D giữ nguyên quan điểm đề nghị được ly hôn nhưng chị P không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh D và chị P đều yêu cầu được nuôi dưỡng con chung và yêu cầu bên kia cấp dưỡng tiền nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Tại bản tự khai ngày 16 tháng 3 năm 2020 chị P trình bày:

Về tình cảm: Chị không đồng ý ly hôn vì chị và anh D đều theo đạo Thiên chúa giáo. Nếu anh D cố tình ly hôn thì chị đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Nếu phải ly hôn chị P đề nghị được nuôi dưỡng con chung và yêu cầu anh D cấp dưỡng tiền nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản riêng: Chị P không có tài sản riêng và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra chị P đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải nữa, và xin được vắng mặt tại phiên tòa.

Tại bản tự khai ngày 17 tháng 4 năm 2020, anh D trình bày:

Về tình cảm: anh D giữ nguyên quan điểm đề nghị được ly hôn chị P.

Về con chung: Anh D đồng ý để chị P nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Thị Phương N, sinh ngày 14 tháng 10 năm 2013 và nhận cấp dưỡng tiền nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh đồng ý với ý kiến chị P để vợ chồng tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh D cũng đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải nữa và xin được vắng mặt tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Việc Tòa án xét xử vụ án khi các đương sự có đề nghị xét xử vắng mặt là đúng quy định tại Điều 227; 228; 238 BLTTDS.

[2] Về tình cảm: Anh Nguyễn Văn D và chị Nguyễn Thị P kết hôn ngày 15 tháng 11 năm 2012 có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn C, huyện T, tỉnh Nam Định. Sau khi cưới vợ chồng chung sống bình thường, sau đó phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Anh D và chị P đã sống ly thân từ lâu, không ai quan tâm đến ai nữa. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ được nên đề nghị ly hôn.

Sau khi anh D có đơn khởi kiện xin ly hôn, TAND huyện Trực Ninh đã thông báo nội dung khởi kiện xin ly hôn của anh D cho chị P và tiến hành hòa giải giữa các đương sự. Tại các phiên hòa giải, anh D vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn, chị P không đồng ý ly hôn.

Tại bản tự khai ngày 16 tháng 3 năm 2020 chị P trình bày quan điểm chị không đồng ý ly hôn vì chị và anh D đều theo đạo Thiên chúa giáo. Nếu anh D cố tình ly hôn thì chị đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật và đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải nữa.

Hội đồng xét xử xét thấy: Giữa anh D và chị P đã phát sinh mâu thuẫn từ lâu, hiện tại đã sống ly thân, tình cảm vợ chồng không còn, vì vậy quan hệ hôn nhân đã thực sự tan vỡ, mục đích của hôn nhân không đạt được, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần, anh D vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn nên không

thể đoàn tụ được với nhau được nữa. Do vậy việc anh D xin ly hôn là phù hợp với quy định của pháp luật nên được HĐXX chấp nhận.

[3] Về con chung: Các đương sự thống nhất vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Thị Phương N, sinh ngày 14 tháng 10 năm 2013. Theo đề nghị của chị P, nếu phải ly hôn chị đề nghị được nuôi dưỡng con chung và yêu cầu anh D cấp dưỡng tiền nuôi con theo quy định của pháp luật. Anh D nhất trí nội dung này.

HĐXX thấy để đảm bảo việc học tập, chăm sóc giáo dục con chung cần giao cho chị P có trách nhiệm nuôi dưỡng con chung của vợ chồng. Việc chị P yêu cầu anh D cấp dưỡng là có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật, anh D cũng nhất trí nên được chấp nhận.

[4] Về tài sản, khoản nợ chung: Đương sự không đề nghị Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh D phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51; 56; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án :

1. Xử ly hôn giữa anh Nguyễn D và chị Nguyễn Thị P.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị P có trách nhiệm nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Thị Phương N, sinh ngày 14 tháng 10 năm 2013.

Anh Nguyễn Văn D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000đ (Một triệu năm trăm ngàn đồng) kể từ tháng 5/2020 đến khi con chung là Nguyễn Thị Phương N trưởng thành, tự lập.

Hiện cháu Nguyễn Thị Phương N đang ở với anh D. Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, chị P có yêu cầu, anh Nguyễn Văn D có nghĩa vụ giao cháu Nguyễn Thị Phương N, sinh ngày 14 tháng 10 năm 2013 cho chị P nuôi dưỡng.

Anh Nguyễn Văn D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn mà không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Án phí: Anh Nguyễn Văn D phải nộp 300.000đ án phí dân sự và 300.000đ án phí cấp dưỡng. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ anh D đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2017/0001362 ngày 24/02/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định. Anh D còn phải nộp 300.000đ.

Anh Nguyễn Văn D và chị Nguyễn Thị P có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt bản án hợp lệ theo quy định của BLTTDS.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, Điều7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Trực Ninh;
- Chi cục THADS huyện Trực Ninh;
- UBND TT C, huyện T;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký và đóng dấu)

Chu Thái Hà